

UBND TỈNH AN GIANG  
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2174/STC-GCS

An Giang, ngày 14 tháng 9 năm 2018

Về việc tham gia ý kiến dự thảo  
Quyết định quy định giá tối đa dịch  
vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại  
Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa,  
huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

Kính gửi :

SỞ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG AG	
ĐẾN	Số: ..... 3852 .....
	Ngày: 19-09-2018
Chuyển:	.....
Lưu Hồ Sơ Số:	.....

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh An Giang;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang.

Thực hiện Công văn số 4123/VPUBND-KTTH ngày 16/8/2018 của Văn phòng UBND tỉnh về việc ban hành giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt và Công văn số 3588/VPUBND-NC ngày 18/7/2018 của Văn phòng UBND tỉnh về việc chấp thuận đề xuất ban hành Quyết định quy phạm pháp luật; trong đó chấp thuận cho xây dựng "Quyết định quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang".

Tiếp nhận Công văn số 1015/SXD-PTĐT ngày 12/4/2018 của Sở Xây dựng về việc thẩm định dự toán chi phí xử lý rác thải theo phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa và Hồ sơ phương án giá kèm theo Công văn số 65/TTr-CtyMTĐT ngày 03/4/2018 và Công văn số 111/CtyMTĐTĐTAG ngày 14/6/2018 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang.

Sau khi thẩm định, Sở Tài chính đã dự thảo Quyết định quy định giá tối đa dịch vụ dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Để đảm bảo trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 37 Quyết định số 76/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy chế xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang; Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan tham gia ý kiến cho bản dự thảo Quyết định như sau:

1. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải toàn văn dự thảo Quyết định trên Cổng thông tin điện tử tỉnh trong thời gian ít nhất 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến; **thời gian lấy ý kiến đến hết ngày 15/10/2018.**

2. Đề nghị Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế, UBND các huyện, thị xã, thành phố và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang tham gia ý kiến dự thảo Quyết định; **thời gian lấy ý kiến đến hết ngày**

25/9/2018. Sau thời gian này, các cơ quan, đơn vị không có ý kiến xem như thống nhất dự thảo Quyết định.

3. Địa chỉ tiếp nhận ý kiến đóng góp:

- Sở Tài chính tỉnh An Giang (thông qua phòng quản lý Giá - Công sản), số 5/10, đường Lê Quý Đôn, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Số điện thoại: 0296.3.852660 – 0296.3.857103

- Đồng thời gửi file về địa chỉ mail [sotaichinh@angiang.gov.vn](mailto:sotaichinh@angiang.gov.vn)

Toàn bộ nội dung dự thảo Quyết định của UBND tỉnh và dự thảo Tờ trình của Sở Tài chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh ([www.angiang.gov.vn](http://www.angiang.gov.vn)) và Sở Tài chính (<http://sotaichinh.angiang.gov.vn>).

Sở Tài chính đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế, UBND các huyện, thị xã, thành phố và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang quan tâm, phối hợp thực hiện.//

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban Giám đốc;
- Các Phòng NS, ĐT, HCSN, DN và TTrTC (tham gia góp ý);
- Cổng thông tin điện tử Sở Tài chính;
- Lưu: VT, PGCS.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Điền Tân

Số: /2018/QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2018

**Dự thảo**  
**Ngày 14-9-2018**

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá tối đa dịch vụ dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt  
tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6  
năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ và  
Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ  
sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của  
Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15/5/2017 của Bộ trưởng Bộ  
Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh  
hoạt.*

*Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ  
Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số:...../TTr-STC  
ngày....tháng.... năm 2018.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt (bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh) tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
2. Cơ quan nhà nước có liên quan đến dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

### **Điều 3. Mức giá tối đa**

Giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt (bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh) là 228.000 đồng/tấn rác (hai trăm hai mươi tám ngàn đồng chẵn); mức giá này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan**

1. Các tổ chức thực hiện dịch vụ chịu trách nhiệm công khai thông tin và niêm yết giá theo quy định; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ, chế độ kế toán, tài chính theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có biến động về định mức, chi phí, đơn giá; lập phương án giá gửi Sở Xây dựng để chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan hoàn chỉnh phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh An Giang có trách nhiệm hướng dẫn cho các tổ chức thực hiện dịch vụ sử dụng chế độ hóa đơn, chứng từ; đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Sở Tài chính hướng dẫn các tổ chức thực hiện dịch vụ niêm yết giá theo đúng quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

4. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và xử lý vi phạm theo lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm xác định khối lượng và thanh toán Hợp đồng với tổ chức thực hiện dịch vụ; quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày..... tháng.....năm 2018.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Website Chính phủ,;
- Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- Cục Thuế, Kho bạc nhà nước tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang;
- Báo, Đài Phát thanh truyền hình, Website An Giang;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, P.KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-STC

An Giang, ngày tháng 9 năm 2018

**Dự thảo**  
**ngày 14-9-2018**

## **TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Quyết định quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Giá ngày 20/6/2012; Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15/5/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt và Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị.

Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang như sau:

### **I. Sự cần thiết ban hành Quyết định quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang:**

Dự án đầu tư xây dựng công trình “Xây dựng hồ chôn lấp hợp vệ sinh” tại xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang do Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang làm chủ đầu tư, được thực hiện từ nguồn vốn của Công ty, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận tại Công văn số 2053/VPUBND-ĐTĐD ngày 09/7/2015 về việc chủ trương đầu tư công trình hồ chôn lấp rác hợp vệ sinh Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Hồ chôn lấp rác hợp vệ sinh được đầu tư xây dựng mới với công suất tiếp nhận ban đầu là 117.807 tấn rác (đã được Sở Xây dựng thẩm định), công suất tiếp nhận điều chỉnh là 175.252 tấn rác (đang lập hồ sơ gửi Sở Xây dựng thẩm định) từ các huyện, thị xã, thành phố; đã đi vào hoạt động từ tháng 3/2018; do đó, Công ty cần phải có những chi phí cần thiết để vận hành và bù đắp chi phí đầu tư hồ chôn lấp rác. Việc xây dựng giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thanh toán cho Công ty theo quy định.

Từ những lý do nêu trên, việc ban hành Quyết định quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang là cần thiết và phù hợp quy định.

## **II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự thảo Quyết định:**

1. Mục đích: Ban hành Quyết định quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa để phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

2. Quan điểm chỉ đạo: Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật và đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành.

## **III. Quá trình xây dựng dự thảo Quyết định:**

1. Nguyên tắc định giá:

Tại Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định:

*“1. Việc định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với công nghệ xử lý; tuân thủ quy trình kỹ thuật; tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường, định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc công bố và phù hợp với chất lượng của dịch vụ.*

*2. Giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải được tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý, hợp lệ của quá trình đầu tư và khai thác, vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; phù hợp với điều kiện thực tế tổ chức thực hiện dịch vụ; điều kiện hạ tầng kỹ thuật, điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách của địa phương.*

*3. Giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải đảm bảo khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư để xử lý chất thải rắn sinh hoạt”.*

2. Thẩm quyền lập, thẩm định và phê duyệt giá:

a) Tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định *“1. Trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu”.*

Tại khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định *“2. Trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt:*

*a) Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ ngân sách nhà nước trên địa bàn một tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao các sở chuyên ngành lập phương án giá gửi Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;*

*b) Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, chủ đầu tư lập và trình phương án giá, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.”*

b) Tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định *“3. Giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt xác định theo hướng dẫn tại Thông tư này được phê duyệt là cơ sở để ký kết hợp đồng, thanh toán hợp đồng thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Trường hợp giá dịch vụ*

xử lý chất thải rắn sinh hoạt được xác định lớn hơn mức chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo công bố của Bộ Xây dựng, thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất với Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt”.

c) Tại điểm i khoản 4 Điều 8 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ quy định thẩm quyền và trách nhiệm định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh: “i. Giá tối đa đối với:; ...dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước”..

3. Thực hiện Công văn số 4655/VPUBND-KTTH ngày 25/11/2016 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mức phí xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh An Giang; trong đó: “Giao Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang xây dựng phương án giá xử lý rác thải theo từng dự án gửi Sở Xây dựng để chủ trì cùng các Sở, Ngành có liên quan hoàn chỉnh phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt”.

Trên cơ sở đề nghị tại Công văn số 1015/SXD - PTĐT ngày 12/4/2018 của Sở Xây dựng về việc thẩm định dự toán chi phí xử lý rác thải theo phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa và Hồ sơ phương án giá kèm theo Công văn số 65/TTr-CtyMTĐT ngày 03/4/2018 và Công văn số 111/CtyMTĐTĐTAG ngày 14/6/2018 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang (chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm); Sở Tài chính thẩm định (chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm) và dự thảo Quyết định quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Để đảm bảo trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 37 Quyết định số 76/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang; Sở Tài chính đã có Công văn số ...../STC - GCS ngày ...../9/2018 đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan tham gia ý kiến cho bản dự thảo Quyết định.

Toàn bộ nội dung dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Tờ trình của Sở Tài chính được gửi bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh ([www.angiang.gov.vn](http://www.angiang.gov.vn)) và của Sở Tài chính (<http://sotaichinh.angiang.gov.vn>) trong thời gian 30 ngày.

5. Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan; Sở Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn chỉnh dự thảo Quyết định, gửi Sở Tư pháp thẩm định.

6. Ngày ...../...../2018, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số ...../BC-STP về kết quả thẩm định dự thảo Quyết định.

7. Sở Tài chính tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (đính kèm Bảng tổng hợp) và hoàn chỉnh dự thảo Quyết định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

#### **IV. Bộ cục và nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định:**

##### **1. Bộ cục:**

Dự thảo Quyết định được kết cấu thành 5 Điều; nội dung ban hành trực tiếp trong

dự thảo Quyết định theo Mẫu số 18 quy định đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Nội dung dự thảo Quyết định:

- a) Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- b) Điều 2. Đối tượng áp dụng.
- c) Điều 3. Mức giá tối đa
- d) Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan
- đ) Điều 5. Trách nhiệm thi hành.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo "*Quyết định quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang*"; kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (để trình);
- Sở Tư pháp;
- Ban Giám đốc, TTrTC;
- Lưu: VT, PGCS.

*(Đính kèm dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phụ lục 1**

**BẢNG XÂY DỰNG GIÁ DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT  
BẢNG CÔNG NGHỆ CHôn LẤP HỢP VỆ SINH THEO HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN GIÁ  
DO CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THI AN GIANG LẬP**  
(Có tính khấu hao cho đầu tư bãi chôn lấp)

(Kèm theo Tờ trình số .....ngày.....tháng .....năm 2018 của Sở Tài chính)

Số TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Tổng cộng
			Tấn, Năm	Ngày		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý chôn lấp theo dự án điều chỉnh	tấn rác				175.252
B	Tổng chi phí thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt (chưa bao gồm chi phí khấu hao đầu tư bãi chôn lấp + phụ đính)	đồng				37.358.836.503
I	Tổng chi phí thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt:	đồng				20.446.339.108
1	Chi phí vận hành bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt:	đồng/ tấn rác	175.252		64.855	11.365.968.460
1.1	Chi phí vật liệu trực tiếp (33.526 đồng/tấn rác x 175.252 tấn rác)	đồng/ tấn rác	175.252		33.526	5.875.498.552
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp [(15.768 đồng/tấn rác x 0,889) x 175.252 tấn]	đồng/ tấn rác	175.252		14.018	2.456.639.074
1.3	Chi phí máy trực tiếp: [(8.031 đồng/tấn rác x 0,97) x 175.252 tấn]	đồng/ tấn rác	175.252		7.790	1.365.225.348
1.4	Chi phí quản lý chung (1.2 x 48%)	đồng/ tấn rác	175.252		6.729	1.179.186.755
1.5	Lợi nhuận định mức [(1.1+1.2+1.3+1.4) x 4,5%]	đồng/ tấn rác	175.252		2.793	489.444.738
2	Chi phí xử lý nước thải trong 6,5 năm:	đồng/ngày	6,50	365	3.612.772	8.571.334.184
2.1	Chi phí điện năng (542 Kwh/ngày x 2.583 đồng/kWh x 365 ngày x 6,5 năm)	đồng/ngày	6,50	365	1.399.986	3.321.466.785
2.2	Chi phí hóa chất (78.500 đồng/ngày x 365 ngày x 6,5 năm)	đồng/ngày	6,50	365	78.500	186.241.250
2.3	Chi phí nước sạch (5 m3/ngày x 6.381 đồng/m3 x 365 ngày x 6,5 năm)	đồng/ngày	6,50	365	31.905	75.694.613
2.4	Chi phí nhân công vận hành hệ thống xử lý nước thải: - Lương và các khoản phụ cấp: 20.436.000 đồng/tháng, 786.000 đ/ngày + Số lượng nhân công: 03 kỹ sư + Mức lương cơ sở 1.300.000 đồng + Bạc, hệ số lương: 3,19 + Phụ cấp độc hại: 0,3 + Phụ cấp khu vực = 1 + Tiền ăn giữa ca: 730.000 đồng + Phụ cấp khác (xăng xe, điện thoại, nhà ở) : 240.000 đ/tháng - Bảo hiểm xã hội (21,5%) = 3.765.060 đ/tháng, 144.810 đồng/ngày	đồng/ngày	6,50	365	930.810	2.208.346.725
2.5	Chi phí hút bùn (nạo vét bùn công ngầm bằng xe hút bùn, cự ly vận chuyển bình quân 15km - TN2.01.00)	đồng/ngày	6,50	365	952.484	2.259.767.689
a	Chi phí nhân công trực tiếp: 65.700 đồng/tấn rác x 0,889 = 58.407 đồng/m3 bùn	đồng/ngày	6,50	365	379.646	900.708.949

Số TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Tổng cộng
			Tấn, Năm	Ngày		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	- Bê lắng sơ bộ : 0,5 m <sup>3</sup> /ngày x 58.407 đồng/m <sup>3</sup>	đồng/ngày	6,50	365	29.204	69.285.304
	- Bê lắng hóa lý 1 : 3 m <sup>3</sup> /ngày x 58.407 đồng/m <sup>3</sup>	đồng/ngày	6,50	365	175.221	415.711.823
	- Bê lắng hóa lý 2 : 3 m <sup>3</sup> /ngày x 58.407 đồng/m <sup>3</sup>	đồng/ngày	6,50	365	175.221	415.711.823
b	Chi phí máy trực tiếp: 60.576 đồng/m <sup>3</sup> x 0,965 = 58.456 đồng/m <sup>3</sup>	đồng/ngày	6,50	365	379.964	901.464.590
	- Bê lắng sơ bộ : 0,5 m <sup>3</sup> /ngày x 58.456 đồng/m <sup>3</sup>	đồng/ngày	6,50	365	29.228	69.343.430
	- Bê lắng hóa lý 1 : 3 m <sup>3</sup> /ngày x 58.456 đồng/m <sup>3</sup>	đồng/ngày	6,50	365	175.368	416.060.580
	- Bê lắng hóa lý 2 : 3 m <sup>3</sup> /ngày x 58.456 đồng/m <sup>3</sup>	đồng/ngày	6,50	365	175.368	416.060.580
c	Chi phí quản lý chung = 2.6a x 40%	đồng/ngày	6,50	365	151.858	360.283.580
d	Lợi nhuận định mức = [(2.6a+2.6b+2.6c) x 4,5%]	đồng/ngày	6,50	365	41.016	97.310.570
2.6	Chi phí bảo trì (sửa chữa) thiết bị: - Chi phí thiết bị : 1.701.525.484 đồng - Chi phí bảo trì (sửa chữa) thiết bị/năm (4,7%/năm)/365 ngày	đồng/ngày	6,50	365	219.101	519.817.123
3	Chi phí lập phương án giá xử lý rác chôn lấp, xử lý nước thải	đồng				228.520.100
4	Chi phí giám sát môi trường	đồng				280.516.364
II	Khấu hao bãi chôn lấp = II.1-II.2	đồng				11.283.647.007
1	Nguyên giá tạm tính theo hồ sơ Công ty cung cấp của hố chôn lấp + thiết bị công nghệ xử lý nước thải + cân điện tử :	đồng				11.852.891.703
1.1	Chi phí xây dựng các hạng mục	đồng				8.741.665.605
1.2	Chi phí thiết bị công nghệ	đồng				2.115.314.395
1.3	Chi phí quản lý dự án	đồng				185.619.386
1.4	Chi phí tư vấn	đồng				515.213.827
1.5	Chi phí khác	đồng				178.762.727
1.6	Chi phí vận hành và chuyển giao công nghệ	đồng				116.315.762
2	Giá trị còn lại sau khi hoàn thành (thiết bị công nghệ xử lý nước thải + cân điện tử)	đồng				569.244.696
III	Tỷ lệ lợi nhuận [(4,5%/(chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung)) = (III.1+III.2+III.3) x 4,5%	đồng				1.472.329.805
1	Xây dựng hố chôn lấp hợp vệ sinh:	đồng				9.849.600.995
1.1	Chi phí xây dựng các hạng mục	đồng				7.652.806.256
1.2	Chi phí lắp đặt thiết bị	đồng				81.480.344
1.3	Chi phí thiết bị công nghệ	đồng				2.115.314.395
2	Chi phí vận hành xử lý rác chôn lấp:	đồng				19.447.792.116
2.1	Chi phí xử lý rác chôn lấp	đồng				10.876.489.624
2.2	Chi phí xử lý rác thải trong 6,5 năm	đồng				8.571.302.492
3	Chi phí phủ định ô chôn lấp	đồng				3.421.046.994
IV	Chi phí khấu hao phần phủ định (đóng lấp) = 4.156.520.584 đồng/175.252 tấn rác	đồng/tấn rác				4.156.520.584
C	Đơn giá xử lý 01 tấn rác thải sinh hoạt (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) = B/A	đồng/tấn rác				213.172
D	Thuế giá trị gia tăng = C x 10%	đồng/tấn rác				21.317
Đ	Đơn giá xử lý 01 tấn rác thải sinh hoạt ( đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) = C+D	đồng/tấn rác				234.489
	Làm tròn	đồng/tấn rác				235.000

**Phụ lục 2**

**BẢNG THẨM ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT  
BẰNG CÔNG NGHỆ CHÔN LẤP HỢP VỆ SINH  
(Có tính khấu hao cho đầu tư bãi chôn lấp)**

(Kèm theo Tờ trình số : ...../TTTr-STC ngày..... tháng ..... năm 2018 của Sở Tài chính)

Số TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>A</b>	<b>Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý chôn lấp theo dự án điều chỉnh</b>	<b>tấn rác</b>			<b>175.252</b>
<b>B</b>	<b>Tổng chi phí thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt (bao gồm chi phí khấu hao đầu tư bãi chôn lấp) = I+II+III</b>	<b>đồng</b>			<b>34.823.221.112</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí trực tiếp thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt:</b>	<b>đồng</b>			<b>16.899.552.208</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí vận hành bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt:</b>	<b>đồng/ tấn rác</b>	<b>175.252</b>	<b>55.334</b>	<b>9.697.362.973</b>
1.1	Chi phí vật liệu trực tiếp (33.526 đồng/tấn rác x 175.252 tấn rác)	đồng/ tấn rác	175.252	33.526	5.875.498.552
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp [(15.768 đồng/tấn rác x 0,889) x 175.252 tấn]	đồng/ tấn rác	175.252	14.018	2.456.639.074
1.3	Chi phí máy trực tiếp: [(8.031 đồng/tấn rác x 0,97) x 175.252 tấn]	đồng/ tấn rác	175.252	7.790	1.365.225.348
<b>2</b>	<b>Chi phí xử lý nước thải trong 6,5 năm:</b>	<b>đồng/năm</b>	<b>6,50</b>	<b>1.108.029.113</b>	<b>7.202.189.235</b>
2.1	Chi phí điện năng (542 Kwh/ngày x 2.583 đồng/kWh x 365 ngày x 6,5 năm)	đồng/năm	6,50	510.994.890	3.321.466.785
2.2	Chi phí hóa chất (78.500 đồng/ngày x 365 ngày x 6,5 năm)	đồng/năm	6,50	28.652.500	186.241.250
2.3	Chi phí nước sạch (5 m3/ngày x 6.381 đồng/m3 x 365 ngày x 6,5 năm)	đồng/năm	6,50	11.645.325	75.694.613
2.4	Chi phí nhân công vận hành hệ thống xử lý nước thải: - Đơn giá 287.100 đồng/ngày công. - Hệ số điều chỉnh khu vực 2 : 0,889. - Số lượng nhân công: 03 kỹ sư	đồng/năm	6,50	279.478.931	1.816.613.048
2.5	Chi phí hút bùn (nạo vét bùn công ngầm bằng xe hút bùn, cự ly vận chuyển bình quân 15km - TN2.01.00)	đồng/năm	6,50	277.257.468	1.802.173.539
<i>a</i>	<i>Chi phí nhân công trực tiếp: 65.700 đồng/tấn rác x 0,889 = 58.407 đồng/m3 bùn</i>	<i>đồng/năm</i>	<i>6,50</i>	<i>138.570.608</i>	<i>900.708.949</i>
	- Bể lắng sơ bộ : 0,5 m3/ngày x 58.407 đồng/m3 x 365 ngày	đồng/năm	6,50	10.659.278	69.285.304
	- Bể lắng hóa lý 1 : 3 m3/ngày x 58.407 đồng/m3 x 365 ngày	đồng/năm	6,50	63.955.665	415.711.823
	- Bể lắng hóa lý 2 : 3 m3/ngày x 58.407 đồng/m3 x 365 ngày	đồng/năm	6,50	63.955.665	415.711.823
<i>b</i>	<i>Chi phí máy trực tiếp: 60.576 đồng/m3 x 0,965 = 58.456 đồng/m3</i>	<i>đồng/năm</i>	<i>6,50</i>	<i>138.686.860</i>	<i>901.464.590</i>
	- Bể lắng sơ bộ : 0,5 m3/ngày x 58.456 đồng/m3 x 365 ngày	đồng/năm	6,50	10.668.220	69.343.430
	- Bể lắng hóa lý 1 : 3 m3/ngày x 58.456 đồng/m3 x 365 ngày	đồng/năm	6,50	64.009.320	416.060.580
	- Bể lắng hóa lý 2 : 3 m3/ngày x 58.456 đồng/m3 x 365 ngày	đồng/năm	6,50	64.009.320	416.060.580

Số TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
II	Chi phí quản lý chung (48%/chi phí nhân công trực tiếp) = (I.1.2+I.2.4+I.2.6a) x 48%	đồng			2.483.501.314
III	Khấu hao bãi chôn lấp = III.1-III.2+III.3	đồng			15.440.167.591
1	Nguyên giá tạm tính theo hồ sơ Công ty cung cấp của hồ chôn lấp + thiết bị công nghệ xử lý nước thải + cân điện tử	đồng			11.852.891.703
2	Giá trị còn lại sau khi hoàn thành (+ thiết bị công nghệ xử lý nước thải + cân điện tử)	đồng			569.244.696
3	Chi phí khấu hao phần phủ đĩnh (đóng lấp)	đồng			4.156.520.584
C	Tỷ lệ lợi nhuận (4,5%/chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung) = (I+II+III) x 4,5%	đồng			1.567.044.950
D	Đơn giá xử lý 01 tấn rác thải sinh hoạt (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) = B+C/A	đồng/tấn rác			207.645
E	Thuế giá trị gia tăng (10%)	đồng/tấn rác			20.765
G	Đơn giá xử lý 01 tấn rác thải sinh hoạt (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) = D+E	đồng/tấn rác			228.410
	Làm tròn	đồng/tấn rác			228.000

**Ghi chú:**

Chi phí quản lý chung và tỷ lệ lợi nhuận: Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ 2 điểm a khoản 2 Công văn số 212/UBND-KTTH ngày 27/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng chi phí chung và lợi nhuận định mức công tác dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh.